

Số: 11/2022/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 13 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 318/2021TLST-HNGĐ ngày 07/12/2021 giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị **Hoàng Thị Minh N**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ dân phố 15, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

* *Bị đơn*: Anh **Đỗ Khắc T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ dân phố 15, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị Minh N và anh Đỗ Khắc T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung **Đỗ Hoàng Mai L**, sinh ngày 01/6/2009 cho anh **Đỗ Khắc T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Chị **Hoàng Thị Minh N** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh **Đỗ Khắc T** với mức 2.000.000đ (*hai triệu đồng*)/tháng; Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng; Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2022 cho đến khi con chung **Đỗ Hoàng Mai L** đủ 18 tuổi. Chị **Hoàng Thị Minh N** được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị Minh N và Đỗ Khắc T đều xác nhận, vợ chồng không có tài sản gì chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về vay nợ: Chị Hoàng Thị Minh N và Đỗ Khắc T đều xác nhận, vợ chồng không có vay nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí của vụ án: Chị Hoàng Thị Minh N tự nguyện nhận chịu toàn bộ tiền án phí của vụ án là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), trong đó án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của vụ án là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị Hoàng Thị Minh N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000159 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Chị Hoàng Thị Minh N đã nộp đủ án phí. Anh Đỗ Khắc T không phải chịu án phí của vụ án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Nơi nhận

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường P;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Vương Thị Lan